

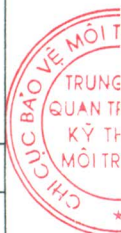
Số: **84** /TB-TTQT

Quảng Bình, ngày **14** tháng **5** năm 2016

THÔNG BÁO
Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Ngày 03 tháng 5 năm 2016, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ tại 04 điểm gồm bãi tắm Vũng Chùa, bãi tắm Đá Nhảy, bãi tắm Nhật Lệ và bãi tắm Hải Ninh đồng thời gửi mẫu cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị phân tích một số chỉ tiêu. Kết quả quan trắc, phân tích như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc				QCVN 10-MT:2015/BTNMT	
			B1	B2	B3	B4	Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
I	Kết quả quan trắc, phân tích ngày 3/5/2016							
a	Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng							
1	pH		7,9	8,1	7,93	8,03	6,5-8,5	6,5-8,5
2	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,84	7,53	6,95	7,06	≥ 5	≥ 4
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	24,5	18	16	17	50	50
4	Amôni (NH ⁺ ₄ tính theo N)	mg/l	< 0,025	< 0,025	< 0,025	< 0,025	0,1	0,5
5	Florua (F ⁻)	mg/l	1,42	1,49	1,49	1,46	1,5	1,5
6	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,02	0,04
7	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005	0,005
8	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05	0,05
9	Kẽm (Zn)	mg/l	0,03	0,02	0,01	0,01	0,5	1,0
10	Sắt (Fe)	mg/l	0,24	0,17	0,14	0,19	0,5	0,5
b	Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều							
1	pH		7,94	8,13	8,21	8,14	6,5-8,5	6,5-8,5
2	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	6,84	7,02	6,91	6,95	≥ 5	≥ 4
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	22,5	33,5	11	21	50	50
4	Amôni (NH ⁺ ₄)	mg/l	< 0,025	< 0,025	< 0,025	0,04	0,1	0,5



	(tính theo N)							
5	Florua (F ⁻)	mg/l	1,48	1,48	1,49	1,49	1,5	1,5
6	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,02	0,04
7	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005	0,005
8	Chi (Pb)	mg/l	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05	0,05
9	Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,5	1,0
10	Sắt (Fe)	mg/l	0,38	0,31	0,19	0,28	0,5	0,5
II	Kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện (mẫu gửi chiều ngày 3/5/2016)							
a	Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng							
1	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN ⁻)	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2
5	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,08	0,06	0,06	0,07	0,5	0,5
7	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	0,001	0,002
b	Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều							
1	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN ⁻)	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2
5	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,08	0,08	0,06	0,06	0,5	0,5
7	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	0,001	0,002

Ghi chú: - B1: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Vũng Chùa, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch
 - B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
 - B3: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới
 - B4: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh

Kết quả quan trắc, phân tích ở trên so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác, cho thấy 17 chỉ tiêu phân tích trong các mẫu nước được quan trắc đều có giá trị đạt Quy chuẩn cho phép và phù hợp với kết quả quan trắc, phân tích do Trung

tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường thực hiện được công bố tại Website: vea.gov.vn.

Nay, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường công bố kết quả quan trắc để các địa phương và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Tổng cục MT;
- Sở TNMT;
- Chi cục BVMT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Lê Anh Tuấn



TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC BIỂN VEN BỜ TẠI 04 TỈNH MIỀN TRUNG

(Ngày 01 tháng 5 năm 2016)

1. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Xuân Thành	Bãi tắm Xuân Hải	Bãi tắm Thạch Hải	Bãi tắm Thiên Cẩm	Bãi tắm Kỳ Ninh	Bãi tắm Mũi Đao	QCVN 10- MT: 2015/BTNMT
									Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
Ngày lấy mẫu			01/5/2016	01/5/2016	01/5/2016	01/5/2016	01/5/2016	01/5/2016	
1	Nhiệt độ	°C	27,7	27,4	26,3	26,4	25,9	26,2	
2	pH		8,1	8,1	8,1	8,2	8,2	8,2	6,5 - 8,5
3	DO	mg/L	7,9	8,4	8,0	8,4	7,8	7,9	≥ 4,0
4	N - NH ₄ ⁺	mg/L	< 0,06	< 0,06	< 0,06	< 0,06	< 0,06	< 0,06	0,5
5	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,3
6	CN ⁻	mg/L	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	0,01
7	Cr (VI)	mg/L	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,05
8	TSS	mg/L	19	23	27	29	31	15	50
9	Pb	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,05
10	Cr tổng	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2
11	Cd	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,005
12	Fe	mg/L	< 0,20	< 0,20	< 0,20	< 0,20	< 0,20	< 0,20	0,5
13	Mn	mg/L	< 0,01	0,04	0,02	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,5
14	Cu	mg/L	0,11	0,12	0,16	0,13	0,16	0,19	0,5
15	Zn	mg/L	< 0,10	< 0,10	0,11	< 0,10	< 0,10	< 0,10	1,0
16	As	mg/L	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,04
17	Coliform	Vi khuẩn/100mL	80	230	130	140	< 3	< 3	1.000



2. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Vũng Chùa, Quảng Đông, Quảng Trạch	Bãi tắm Đá Nháy, Thanh Trạch, Bố Trạch	Bãi tắm Nhật Lệ, Tp. Đồng Hới	Bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh	QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
Ngày lấy mẫu			01/5/2016		01/5/2016		Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
1	pH		7,2	7,4	7,3	7,3	6,5 - 8,5
2	DO	mg/L	7,0	7,1	7,2	7,1	≥ 4,0
3	N - NH ₄ ⁺	mg/L	0,030	0,070	< 0,040	< 0,025	0,5
4	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	0,3
5	CN ⁻	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01
6	Cr (VI)	mg/L	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,05
7	TSS	mg/L	14	19	18	27	50
8	Pb	mg/L	< 1,22x10 ⁻³	< 1,22x10 ⁻³	< 1,22x10 ⁻³	< 1,22x10 ⁻³	0,05
9	Cr tổng	mg/L	0,11	0,10	0,11	< 0,10	0,2
10	Cd	mg/L	< 0,31x10 ⁻³	< 0,31x10 ⁻³	< 0,31x10 ⁻³	< 0,31x10 ⁻³	0,005
11	Fe	mg/L	0,21	0,17	0,13	0,11	0,5
12	Cu	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,5
13	Zn	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	1,0
14	As	mg/L	< 1,84x10 ⁻³	< 1,84x10 ⁻³	< 1,84x10 ⁻³	< 1,84x10 ⁻³	0,04



3. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

STT	Thông số	Đơn vị	Ngày lấy mẫu			QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			Mũi Si, thị trấn Cửa Tùng, Vĩnh Linh	Bãi tắm Gio Hải, xã Gio Hải, Gio Ninh	Bãi tắm Mỹ Thủy, xã Hải An, Hải Lăng	
			1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	
1	Nhiệt độ	°C	24,1	24,1	23,8	-
2	pH		8,1	8,1	8,1	6,5 ÷ 8,5
3	DO	mg/L	6,1	6,1	6,1	≥ 4,0
4	N - NH ₄ ⁺	mg/L	< 0,02	< 0,02	< 0,02	0,5
5	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,3
6	CN ⁻	mg/L	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,01
7	Cr(VI)	mg/L	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,05
8	TSS	mg/L	4,4	3,6	7,4	50
9	Pb	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,05
10	Cr tổng	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2
11	Cd	mg/L	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,005
12	Fe	mg/L	0,048	0,037	0,093	0,5
13	Mn	mg/L	0,18	0,16	0,13	0,5
14	Cu	mg/L	0,11	0,10	< 0,10	0,5
15	Zn	mg/L	< 0,10	< 0,10	< 0,10	1,0
16	As	mg/L	1,7 x 10 ⁻³	1,9 x 10 ⁻³	1,6 x 10 ⁻³	0,04
17	Coliform	MPN/100ml	< 3	23	93	1.000



4. Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Thuận An	Bãi tắm Lăng Cô	Bãi tắm Cảnh Dương	Bãi tắm Quảng Ngạn	Bãi tắm Vinh Thanh	Bãi tắm xã Điền Lộc	QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
			1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
Ngày lấy mẫu			1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	1/5/2016	
1	Nhiệt độ	°C	28,0	27,9	27,9	29,1	28,1	29,0	-
2	pH		8,3	8,5	8,4	8,3	8,3	8,4	6,5 ÷ 8,5
3	DO	mg/L	6,8	5,1	6,9	5,7	6,0	5,4	≥ 4,0
4	TSS	mg/L	3,7	3,2	< 2,0	4,0	2,3	2,3	50
5	N - NH ₄ ⁺	mg/L	0,040	0,018	0,026	< 0,016	0,036	0,038	0,5
6	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	< 0,016	< 0,016	< 0,016	< 0,016	< 0,016	< 0,016	0,3
7	CN ⁻	mg/L	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	< 0,005	0,01
8	As	mg/L	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	< 0,001	0,04
9	Mn	mg/L	< 0,039	< 0,039	< 0,039	< 0,039	< 0,039	< 0,039	0,5
10	Fe	mg/L	< 0,09	< 0,09	< 0,09	< 0,09	< 0,09	< 0,09	0,5
11	Zn	mg/L	0,14	0,15	< 0,10	0,11	0,10	0,11	1,0
12	Cu	mg/L	0,24	0,22	0,20	0,23	0,21	0,23	0,5

Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ nêu trên được tổng hợp từ Trung tâm Quan trắc môi trường địa phương và Trung tâm Quan trắc môi trường, Tổng cục Môi trường phối hợp thực hiện với thời gian quan trắc vào ngày 01 tháng 5 năm 2016 tại các bãi tắm trên 04 tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. Qua so sánh, đối chiếu kết quả quan trắc với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển (QCVN 10-MT:2015/BTNMT) cho thấy, chất lượng nước biển tại các bãi biển này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn đối với vùng bãi tắm, thể thao dưới nước.

